

Bản án số: 04/2023/HC-PT
Ngày: 28 - 6 - 2023
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Khôi.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phụng và bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2023/ TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Vũ Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: đường 30/6, phố Ph, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Hoàng Trung K, sinh năm 1960; địa chỉ: phố Ph, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: đường T, phố Ph, phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Vũ Văn H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố N. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022, ngày 14/6/2023)

3. Người kháng cáo: ông Hoàng Trung K (người đại diện hợp pháp của người khởi kiện).

4. Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: ông Hoàng Trung K, ông Vũ Văn H; vắng mặt: bà Vũ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Người khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Th về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T lần đầu (sau đây viết tắt là Quyết định số 107). Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường Th có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND phường Th cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ theo đơn yêu cầu ngày 27/9/2022.

Lý do khởi kiện:

Tháng 4 năm 2022 bà Vũ Thị T khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố N để yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Thông báo số 21/TB-UBND ngày 25/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Th và buộc Chủ tịch UBND phường Th thụ lý giải quyết đơn khiếu nại ngày 13/4/2022 theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND phường Th đã không thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết khiếu nại của UBND phường Th như sau:

Ngày 22/9/2022, UBND phường Th mời ông Hoàng Trung K là người được ủy quyền của bà Vũ Thị T đến thông báo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc thành lập Tổ xác minh và cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến đơn khiếu nại. Tại buổi làm việc, ông K đề nghị thay đổi Tổ trưởng Tổ xác minh với lý do Tổ trưởng Tổ xác minh (ông H) có họ hàng thân thích với người liên quan đến vụ việc khiếu nại. Ông H trình bày đã báo cáo với Chủ tịch UBND phường Th nhưng ông K không nhận được văn bản trả lời.

Ngày 27/9/2022, ông K gửi đơn đến UBND phường Th yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ. Ngày 29/9/2022, UBND phường Th có phiếu cung cấp thông tin không đúng nội dung yêu cầu.

Ngày 07/10/2022, UBND phường Th mời ông K đến hội trường đối thoại, giải quyết đơn khiếu nại ngày 18/4/2022 của bà T. Những nội dung UBND phường Th đã vi phạm: ông K xác định việc UBND phường Th mời đến làm việc đối thoại nhưng thực tế nội dung làm việc là thông báo kết quả xác minh không phải là đối thoại. Trong buổi làm việc, ông K không đồng ý với kết quả xác minh, có ý kiến ghi trong biên bản nhưng người có thẩm quyền không xem xét. Khi các bên không nhất trí với kết quả xác minh mới tiến hành đối thoại. Nếu đối thoại thì chủ trì phải là Chủ tịch UBND phường Th. UBND phường Th thông báo kết quả xác minh xong và ban Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022

mà không thông qua đối thoại.

UBND phường Th cung cấp thiếu tài liệu, chứng cứ cho ông K (hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bản đồ năm 1997) không nêu rõ lý do vì sao không cung cấp.

Quá trình thẩm tra xác minh không thông báo cho ông K biết, không thông báo về ý kiến của những người được xác minh. Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND phường Th không tham gia, Tổ xác minh làm việc không khách quan khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 là vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại năm 2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện và người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Người bị kiện không nhất trí với yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quá trình giải quyết khiếu nại như sau: căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011, thực hiện Quyết định số 03/2022/QĐST-HC ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N. Ngày 12/9/2022, UBND phường Th ra Thông báo số 83/QĐ-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn của bà Vũ Thị T. Ngày 15/9/2022, UBND phường Th ra Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị T. Trong thời gian xác minh, Tổ xác minh đã làm việc với ông Hoàng Trung K, yêu cầu bên khiếu nại cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan. Tại buổi làm việc, ông K cung cấp được 06 ảnh in màu trên 06 tờ A4, ngoài ra ông K không cung cấp được thêm chứng cứ nào khác. Đồng thời Tổ xác minh đã làm việc xác minh với công an khu vực, các hộ dân sống xung quanh để lấy ý kiến. Cụ thể các hộ dân cho biết bà T được xã A giao đất năm 1989, sau đó bà ở đến năm 2002, bà bán cho ông Trần Quang Nh toàn bộ đất và chuyển đi nơi khác. Theo công an khu vực và các hộ dân sống xung quanh thì bà T không còn ở khu vực này từ năm 2003 đến nay.

Ngày 27/9/2022, ông K làm đơn yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ. Ngày 29/9/2022, UBND phường Th đã cung cấp tài liệu, chứng cứ cho ông K. Về việc cung cấp thông tin: UBND phường Th đã cung cấp bản đồ hiện trạng năm 1996, bản đồ năm 1997 là không có. Về các giấy tờ chuyển nhượng: năm 2003, thẩm quyền của UBND phường không lưu giữ hồ sơ gốc chuyển nhượng mà chỉ lưu giữ sổ mục kê, trích lục đến hiện trạng. Hồ sơ chuyển nhượng do UBND thành phố N lưu giữ.

Ngày 07/10/2022, UBND phường Th tiến hành đối thoại với ông K, kết quả khiếu nại không thành. Ngày 12/10/2022, Chủ tịch UBND phường Th ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 158; Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 17, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 3 Điều 4, Điều 9, Điều 18, Điều 19, Điều 20, điểm c khoản 2 Điều 61, Điều 62 Luật cán bộ, công chức; Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 28 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: bác đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu “Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND phường Th, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2023, ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật với lý do: Tòa án sơ thẩm vi phạm về tố tụng: không tiến hành thu thập chứng cứ, không thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Ban hành bản án trái pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Th.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 12/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố N kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình hủy bản án hành chính sơ thẩm với lý do: việc thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án không đầy đủ nên chưa có căn cứ để bác đơn khởi kiện của bà T. Bản án sơ thẩm chỉ nhận định về tố tụng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND phường Th mà không đánh giá tính hợp pháp của nội dung Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu của bà Vũ Thị T là không đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các yêu cầu kháng cáo tuyên hủy án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện có quan điểm: không đồng ý yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm. Do Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập thêm tài liệu để làm rõ nội dung vụ việc nên cần thay đổi nội dung kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bác kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện; chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố N làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, ông K đề nghị hoãn phiên tòa với 03 lý do sau đây:

- Ngày 27/6/2023 tôi đã có đơn gửi đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N yêu cầu được cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ việc của bà T, vì vậy tôi đề nghị Tòa án chờ kết quả mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp cho tôi.

- Tôi đề nghị Tòa án đưa ông Đỗ Hùng S - công chức địa chính của Ủy ban nhân dân phường Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án

- Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên tôi đề nghị hoãn phiên tòa để lần sau bà T tham gia phiên tòa và đảm bảo quyền lợi của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà T đã ủy quyền toàn bộ cho ông K tại Tòa án các cấp ông K đã nhận ủy quyền của bà T và tại phiên tòa hôm nay ông K có mặt như vậy quyền của bà T vẫn được bảo đảm, về tài liệu ông K đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì đã được Tòa án yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã cung cấp cho Tòa án, ông S chỉ là người làm đúng chức trách nhiệm vụ của mình không cần tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

[2] Về nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố N.

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND phường Th. Buộc Chủ tịch UBND phường Th có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Bà T có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 16/TB-UBND ngày 06/4/2022 của UBND phường Th. Ngày 12/10/2022 Chủ tịch UBND phường Th, thành phố N ban hành Quyết định số 107 về việc giải quyết khiếu nại của bà T. Theo quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại thì Chủ tịch UBND phường Th giải quyết đơn khiếu nại của bà T là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về hình thức của Quyết định số 107.

Quyết định 107 có nội dung là trả lời khiếu nại của bà T, được ban hành dưới hình thức là Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại; được ban hành đúng Mẫu số 15-Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ).

[2.1.3] Về trình tự thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại.

Tại đơn kiến nghị đề ngày 10/3/2022, bà T cho rằng: bà được Nhà nước cấp 150m², bà đã bán cho người khác từ năm 2003. Tuy nhiên gia đình bà còn khoảng 150m² bên cạnh thửa đất đã bán do gia đình bà khai hoang phục hóa, nay bà đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận diện tích đất còn lại.

Ngày 06/4/2022 UBND phường Th ban hành Thông báo số 16/TB-UBND có nội dung đề nghị của bà T không có căn cứ giải quyết.

Tại đơn khiếu nại đề ngày 18/4/2022 bà T khiếu nại Thông báo số 16/TB-UBND ngày 06/4/2022 của UBND phường Th.

Ngày 25/4/2022 Chủ tịch UBND phường Th ban hành Thông báo số 21/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại. Do không đồng ý với Thông báo số 21 nêu trên, bà T có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố N. Ngày 12/8/2022 người khởi kiện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ngày 15/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 03/2022/QĐST-HC về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Căn cứ vào Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân thành phố N, ngày 12/9/2022 Chủ tịch UBND phường Th ban hành Thông báo số 83/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 15/9/2022 Chủ tịch UBND phường Th ban hành Quyết định số 83/QĐ-CTUBND về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập Tổ xác minh trong đó có ông Vũ Văn H, Phó Chủ tịch UBND – Tổ trưởng.

Ngày 23/9/2022 bà T có văn bản ủy quyền cho ông Hoàng Trung K tham gia giải quyết khiếu nại.

Ngày 06/10/2022 Chủ tịch UBND phường Th ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND về việc ủy quyền cho ông Vũ Văn H, Phó Chủ tịch UBND phường Th đại diện cho Chủ tịch UBND phường Th chủ trì Hội nghị đối thoại giải quyết đơn khiếu nại của bà T.

Tại Biên bản về việc cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ có liên quan đến đơn khiếu nại của bà T thể hiện: tại Hội nghị ông K đề nghị thay đổi Tổ trưởng Tổ xác minh vì ông H có quan hệ họ hàng với bà T nên việc giải quyết không khách quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Vũ Văn H có quan điểm bản thân ông có quan hệ với bà T là anh em con ông chú, ông bác nhưng khi được tập thể, lãnh đạo phân công công việc, ông làm việc vô tư khách quan, không thiên vị và thực hiện đúng theo Luật Khiếu nại.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định cán bộ trong thi hành công vụ có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cấp trên. Đồng thời, căn cứ khoản 5 Điều 36, khoản 1 Điều 64 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã như sau: ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch UBND.

Đối chiếu với quy định như trên, pháp luật không cấm Phó Chủ tịch UBND cấp phường (được Chủ tịch UBND cấp phường ủy quyền) thực hiện nhiệm vụ Tổ trưởng Tổ xác minh, Chủ trì Hội nghị đối thoại giải quyết đơn khiếu nại của bà T.

Tại Biên bản đối thoại ngày 07/10/2022 thể hiện ông K không đồng ý kết quả xác minh, những ý kiến của ông K đã được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản đối thoại đã được đọc lại cho những người tham gia đối thoại nghe và ông K đã nhất trí ký tên. Như vậy ông K cho rằng việc UBND phường Th mời ông đến làm việc ngày 07/10/2022 là thông báo kết quả xác minh là không có căn cứ.

Như vậy, ông Vũ Văn H – Phó Chủ tịch UBND phường Th đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

Hội nghị đối thoại ngày 07/10/2022 không thành nên ngày 12/10/2022 Chủ tịch UBND phường Th ban hành Quyết định số 107 về việc giải quyết khiếu nại của bà T là đúng theo trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.1.4] Về nội dung của Quyết định số 107.

Tại đơn khiếu nại đề ngày 18/4/2022 bà T khiếu nại Thông báo số 16/TB-UBND ngày 06/4/2022 của UBND phường Th có nội dung: mảnh đất gia đình bà đang sử dụng đã được UBND xã A giao cho gia đình trước năm 1990 gồm có đất ở và đất vườn, tài sản trên đất đã được xây gạch xi để làm vườn, vị trí đất này gia

đình ông Hà Văn Th và bà Phạm Thị L đang sử dụng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 17, diện tích 120m². Mảnh đất gia đình bà được giao trước năm 1980 do UBND xã A giao, nay đã bán đi phần đất thổ cư, phần còn lại gia đình bà tiếp tục sử dụng đúng mục đích. Bà đề nghị Chủ tịch UBND phường Th xem xét đơn đề nghị đề ngày 10/3/2022 và ngày 15/3/2022 cho bà, cụ thể bà đề nghị về việc gia đình bà còn khoảng 150m² bên cạnh thửa đất đã bán, nay bà đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận diện tích đất còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thể hiện tại thửa đất số 670, tờ bản đồ số 05 xã Ninh Thành, diện tích 6.720m², chủ sử dụng đất: Hợp tác xã.

Bản đồ và sổ mục kê năm 2003 thể hiện tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, diện tích 380m², chủ sử dụng đất là ông Nh.

Bản đồ và sổ mục kê năm 2016 thể hiện tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 17, diện tích 120m², chủ sử dụng đất là ông Hà Văn Th.

Theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì năm 2003, bà T bán toàn bộ diện tích đất cho gia đình ông Nh.

Về phía người khởi kiện cung cấp các tài liệu như: sơ đồ các thửa đất tại tờ bản đồ số 17 phố Ph (vẽ bằng tay) không có người ký, không có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền cấp trích lục bản đồ; Giấy xác nhận có chữ ký của các ông Hoàng Văn N, Trần Văn V, Hoàng Văn Qu, Hoàng Văn B, Trần Xuân L; 06 ảnh chụp hiện trạng.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/9/2022 thể hiện: bà T có hộ khẩu thường trú tại phố Ph, phường Th nhưng bà T không sống tại phố Ph, bà T chuyển đi nơi khác. Tại vị trí khu vực Vườn Hoa phố Ph, bà T không ở đây.

Theo bà T, vị trí đất mà bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận thì hiện nay gia đình ông Hà Văn Th và bà Phạm Thị L đang sử dụng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 17, diện tích 120m².

Như vậy, bà T không phải là người “*đang sử dụng đất ổn định*” tại thửa số 84, tờ bản đồ số 17, bà T không sử dụng đất, không có các giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền giao đất, các tài liệu do phía người khởi kiện cung cấp trong quá trình giải quyết khiếu nại không phải là một trong các giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

Đối chiếu với quy định của pháp luật về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, việc bà T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 150m² đất cho bà bên cạnh thửa đất đã bán cho ông Nh là không có cơ sở để xem xét.

Chủ tịch UBND phường Th không có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 150m² đất mà bà T đề nghị. Tuy nhiên, ngày

06/4/2022 UBND phường Th ban hành Thông báo số 16/TB-UBND có nội dung đề nghị của bà T không có căn cứ giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: buộc UBND phường Th cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ theo đơn yêu cầu ngày 27/9/2022. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 27/9/2022 ông K có đơn yêu cầu UBND phường Th cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: cung cấp tình trạng pháp lý của thửa đất; cung cấp bản đồ, sổ mục kê các thời kỳ; cung cấp hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Căn cứ hồ sơ địa chính hiện đang lưu giữ tại phường, ngày 29/9/2022 UBND phường Th ban hành Phiếu cung cấp thông tin gửi ông K và đã cung cấp các tài liệu có đóng dấu treo của UBND phường Th cho ông K gồm: bản đồ địa chính năm 2016, sổ mục kê năm 2016, bản đồ địa chính năm 2003, sổ mục kê năm 2003, bản đồ năm 1986, sổ mục kê năm 1986.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà T có văn bản đề nghị Tòa án thu thập bản đồ, sổ mục kê năm 1996, ông K đã yêu cầu nhưng UBND phường Th không cung cấp là do UBND phường chỉ cung cấp những hồ sơ địa chính hiện UBND phường Th đang lưu giữ có liên quan đến vị trí thửa đất mà bà T đang đề nghị giải quyết đơn khiếu nại.

Như vậy, UBND phường Th đã cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ theo đơn yêu cầu ngày 27/9/2022 đối với hồ sơ địa chính *hiện đang lưu giữ tại phường* là đúng pháp luật.

[2.3] Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ.

[2.3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà T có văn bản đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ đối với thửa đất bà T đang khiếu nại bởi trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND phường không kiểm tra xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh đã kiểm tra, tiến hành xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại như xác minh các hộ dân sống xung quanh tại vị trí đất có liên quan đến khiếu nại, những hộ dân sinh sống cùng thời điểm với bà T, kiểm tra hồ sơ địa chính do UBND phường đang lưu giữ, kiểm tra sổ bộ thuế phi nông nghiệp đối với việc bà T có nộp thuế sử dụng đất tại vị trí đất có liên quan đến khiếu nại; việc người sử dụng đất có sử dụng ổn định, lâu dài hay không thông qua việc xác minh Tổ trưởng Tổ dân phố và Công an phường. Như vậy, căn cứ phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà T, qua xem xét quá trình giải quyết khiếu nại, bà T không có một trong các giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật, không sử dụng đất như đã nhận định tại mục [2.1.4].

Căn cứ Điều 88 Luật Tổ tụng hành chính quy định không quy định về trường hợp “theo yêu cầu của đương sự” thì Thẩm phán tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Theo điểm c khoản 2 Điều 84 Luật Tổ tụng hành chính quy định:

trong các trường hợp do Luật này quy định, Thẩm phán *có thể* tiến hành biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là đúng pháp luật.

Như vậy, việc ông K kháng cáo cho rằng Thẩm phán vi phạm thủ tục tố tụng do không thẩm định tại chỗ đối với thửa đất bà T đang khiếu nại bởi trong quá trình giải quyết khiếu nại, UBND phường không kiểm tra xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại là do nhận thức của ông K.

[2.3.2] Quá trình giải quyết tại Toà án cấp phúc thẩm, Toà án đã ban hành Thông báo yêu cầu người bị kiện giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Tại văn bản ngày 05/6/2023 người bị kiện có quan điểm: UBND phường Th không có hồ sơ giao đất cho bà T, không có hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà T sang ông Nh năm 2003 để cung cấp cho Tòa án. Do ông Nh mua bán thửa đất của bà T, sau đó ông Nh tách ra bán cho người khác sử dụng. Ông Nh không còn ở địa phương, không biết ông Nh đang ở đâu nên UBND phường không thể có lời trình bày của ông Nh để cung cấp cho Tòa án.

Căn cứ vào Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 01/2023/QĐ-CCTLCC ngày 02/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình; ngày 20/6/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N ban hành Công văn số 168/CNNB trả lời Toà án về việc sau khi rà soát hệ thống hồ sơ địa chính hiện đang lưu giữ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N hiện không tìm thấy hồ sơ lưu trữ đối với hồ sơ giao đất cho gia đình bà Vũ Thị T trước năm 2003; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Vũ Thị T sang ông Trần Quang Nh năm 2003 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính phường Th, diện tích 380m².

Như vậy, việc chứng minh, thu thập chứng cứ tại phiên toà phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ nhưng cũng không có căn cứ để xác định bà T là người “*đang sử dụng đất ổn định*” tại thửa số 84, tờ bản đồ số 17. Đồng thời bà T cũng không có một trong các giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

[3] Bản án sơ thẩm chỉ nhận định về tố tụng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND phường Th mà không đánh giá tính hợp pháp của nội dung Quyết định số 107/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu của bà Vũ Thị T là không đầy đủ, cần rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm về vấn đề này.

Tuy nhiên, xét về tổng thể Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật khi đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K, chấp nhận nội dung thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Trung K là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện.

2. Chấp nhận việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình.

3. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0001070 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình; bà Vũ Thị T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu hồ sơ, HCTP, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Văn Khôi